

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 13

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Chữ số 8 trong số thập phân 95,824 có giá trị là:

- A. $\frac{8}{1000}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{10}$ D. 8

Câu 2. $3\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 3,900 B. 3,09 C. 3,9 D. 3,90

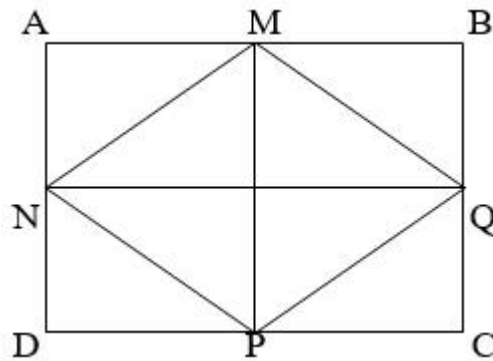
Câu 3. Tìm số tự nhiên x biết: $69,98 < x < 70,001$

- A. $x = 69$ B. $x = 70$ C. $x = 69,99$ D. $x = 69,980$

Câu 4. Số gồm sáu trăm, bốn chục, hai đơn vị và tám phần mười viết là:

- A. 6,428 B. 64,28 C. 642,8 D. 0,642

Câu 5. Quan sát hình dưới đây và tính diện tích của hình thoi MNPQ. Biết: $BC = 52$ cm; $AB = 75$ cm.



- A. 3900 m^2 B. 3900 cm^2 C. 1950 cm D. 1950 cm^2

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $9\text{m } 6\text{dm} = \dots\dots\dots \text{m}$
b) $2\text{cm}^2 \text{ } 5\text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$
c) $5 \text{ tấn } 62\text{kg} = \dots\dots\dots \text{tấn}$

Câu 2: Tính

- a) $\frac{2}{5} + \frac{5}{6}$ b) $4 - 2\frac{1}{3}$ c) $\frac{4}{7} + \frac{1}{4} : \frac{2}{3}$ d) $\frac{3}{4} : \frac{2}{3} \times \frac{8}{9}$

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3: Một bếp ăn chuẩn bị số gạo cho 36 người ăn trong 50 ngày. Nhưng thực tế có 60 người ăn, hỏi số gạo đã chuẩn bị đủ dùng trong bao nhiêu ngày? (Mức ăn của mỗi người như nhau)

.....
.....
.....
.....

Câu 4: Một khu vườn hình vuông có chu vi 1000m. Diện tích khu vườn đó bằng bao nhiêu mét vuông? Bao nhiêu héc-ta?

.....
.....
.....
.....